

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2022

“V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Ông Bùi Sỹ Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn K, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Tôi và anh Bùi Văn K tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã A vào năm 2012 và chung sống đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chúng tôi sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, cả hai không còn tình cảm yêu thương tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K.

Về con chung: Tôi và anh K có 01 con chung là cháu Bùi Lê Gia L, sinh ngày 27/11/2011, hiện đang ở với tôi, ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh Bùi Văn K vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong bản tự khai đề ngày 02/3/2022, anh Bùi Văn K trình bày:

Tôi và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống nhà chị H tại thôn T, xã S, thị xã A, Gia Lai. Cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, nay chị H yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý, tôi muốn chị H rút đơn về chung sống nuôi dạy con chung, không muốn ly hôn. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì tôi xin nuôi con là cháu Bùi Lê Gia L sinh ngày 27/11/2011, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không yêu cầu Tòa giải quyết nợ chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn K, địa chỉ: thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tại phiên tòa bị đơn anh K vắng mặt lần thứ hai, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H trình bày chị và anh K có mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2020 đến nay, theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống, anh K không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ, con. Nên cả hai không còn quan tâm lo lắng cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin được ly hôn và anh K. Còn anh K cho rằng không có mâu thuẫn và hai vợ chồng sống hạnh phúc nên không muốn ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy anh K cho rằng cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng anh và chị H đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H cho biết từ khi làm đơn xin ly hôn và từ khi Tòa thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải nhiều lần, nhưng anh K không lần nào gặp chị để hòa giải, không thăm hỏi và có trách nhiệm gì với vợ, con. Hôn nhân hạnh phúc là phải xuất phát từ tình cảm của cả hai người: Anh K không đồng ý ly hôn mong về đoàn tụ, nhưng chị H vẫn kiên quyết đòi ly hôn. Cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh K như vậy là trầm trọng, chị H yêu cầu xin ly hôn với anh K là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh K đều khai có 01 con chung là cháu Bùi Lê Gia L, sinh ngày 27/11/2011, cả chị H và anh K đều có nguyện vọng nuôi cháu L, tuy nhiên xét thấy anh K hiện nay không có công việc ổn định, cháu L hiện đang ở với chị H và tại văn bản trình bày ý kiến cháu L có nguyện vọng muốn ở với mẹ; chị H có công việc ổn định, có thu nhập đảm bảo việc nuôi con, nên cần thiết giao cho chị H tiếp tục nuôi cháu L mới đảm bảo tốt cho sự phát triển và quyền lợi cho cháu L. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cả hai đều không yêu cầu nên không giải quyết

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Cả hai đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị H ly hôn với anh Bùi Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Lê Gia L sinh ngày 27/11/2011 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, khi cháu L chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom con cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011691 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Bùi Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (06/7/2022) nguyên đơn, có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn 15 ngày được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã S, Tx A;
- (để ghi vào sổ hộ tịch, ĐKKH số 26/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn

